

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 449/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1986; thường trú: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1987; thường trú: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:

Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25-11-2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105.

Sau khi kết hôn, vợ chồng vào tỉnh Bình Dương để sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng lẫn nhau, ông T nghiện rượu và cờ bạc nên thường xuyên gây sự đánh đập bà B, ngoài ra ông T không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành công, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Khi biết bà B nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông T cũng không quan tâm, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có con 02 chung tên là Nguyễn Thị Hoàng M, sinh ngày 29/8/2011 và Nguyễn Duy Hoàng A, sinh ngày 19/02/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà B. Bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Duy T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Hoàng Thị B có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25-11-2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo bà B trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn rồi cãi vã lẫn nhau, ngoài ra ông T còn thường xuyên uống rượu, đánh bạc và đánh đập bà B. Mâu thuẫn trầm trọng không tự giải quyết được nên vợ chồng hiện nay đã sống ly thân với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông T không có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông T không tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Theo giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá cung cấp thì bà B và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng M, sinh ngày 29/8/2011 và Nguyễn Duy Hoàng A, sinh

ngày 19/02/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà B. Bà B có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Hoàng M có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, cần thiết giao 02 con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc ly hôn với ông T. Giao 02 con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Duy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng M, sinh ngày 29/8/2011 và Nguyễn Duy Hoàng A, sinh ngày 19/02/2018 cho bà Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị B về việc không yêu cầu ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004630 ngày 08/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- UBND xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá (GCNKH số 105 ngày 25/11/2010);
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan